

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày 27 - 03 - 2023
“V/v tranh chấp chia di sản
thừa kế quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Vinh và ông Võ Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2022/TLST-TCDS ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-TCDS ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Y, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1971; anh Trương Anh T, sinh năm 1992; anh Trương Anh V, sinh năm 1995

Cùng cư trú: Số nhà 7, đường Cao Văn Lầu, cụm 2, tổ dân phố 7, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trương Minh Đ, sinh năm 1946; nơi cư trú: thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (chồng bà Trương Thị H đã chết). Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt

+ Anh Trương Minh A, sinh năm 1980; nơi cư trú: Đường số 3, Khu công nghiệp, phường A, quận S, thành phố Đ. Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt

+ Chị Trương Thị Thu H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 4, khối phố N, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt

+ Chị Trương Thị Bích H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 2, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt

+ Anh Trương Minh H, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt

+ Ông Trương Minh H, sinh năm 1962; nơi cư trú: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

+ Ông Trương Minh B, sinh năm 1964; nơi cư trú: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

+ Bà Trương Thị B, sinh năm 1972; nơi cư trú: Đội 1, thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa - nguyên đơn bà Trương Thị Y trình bày:

Bố mẹ bà là ông Trương Minh H và bà Hoàng Thị K (đều đã chết) kết hôn và sinh được có 06 người con gồm: Bà Trương Thị H (đã chết năm 2016), ông Trương Minh H, ông Trương Minh B, ông Trương Văn B (đã chết năm 2017), bà Trương Thị B và bà là Trương Thị Y

Nguồn gốc thửa đất số 240, tờ bản đồ số 8, diện tích 411,1m² là của bố mẹ bà được Nhà nước cấp đổi tại khu tái định cư, do trước đây bố mẹ bà đã cho con trai là anh Trương Minh H, Trương Minh B, Trương Văn B mỗi người 01 nền nhà và đã có gia đình ra ở riêng, còn bà là con gái út nên nên bố mẹ và các anh chị em trong gia đình thống nhất giao thửa đất nói trên cho bà được quyền sử dụng, đến năm 2018 khi được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất do bà đứng tên nhưng trong đó ghi chú bà (Trương Thị Y) là người đại diện cho những người thừa kế theo pháp luật của ông Trương Minh H và bà Hoàng Thị K. Nay bà có nguyện vọng yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 240, tờ bản đồ số 8, diện tích 411,1m² tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình của bố mẹ để lại.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, phía bị đơn trình bày:

- Bà Trần Thị V trình bày: Bà là vợ của ông Trương Văn B (đã chết năm 2017), bà kết hôn với ông B và sinh được 02 người con gồm: anh Trương Anh T, anh Trương Anh V. Trước khi bố mẹ chồng bà chết có để lại thửa đất số 240, tờ bản đồ số 8 diện tích 411,1m² tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Do chồng bà đã chết nên bà và 02 con được hưởng thừa kế tài sản của chồng. Nay bà Trương Thị Y làm đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất nêu trên thì bà yêu cầu Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết, bà có nguyện vọng được nhận một phần đất để sau này cho con trai là Trương Anh V về làm nhà ở.

- Anh Trương Anh T và Trương Anh V đều trình bày: Các anh là con trai của ông Trương Văn B và bà Trần Thị V. Trước khi ông bà nội của các anh là ông Trương Minh H và bà Hoàng Thị K chết có để lại thửa đất số 240, tờ bản đồ số 8, diện tích 411,1m² tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình do bà Trương Thị Y đứng tên đại diện cho những người thừa kế theo pháp luật của ông H, bà K. Do bố các anh đã chết nên các anh là người được hưởng thừa kế phần tài sản của bố. Nay bà Trương Thị Y làm đơn yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông bà nội thì các anh yêu cầu Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết cho các anh được nhận một phần đất để sau này cho anh Trương Anh V về làm nhà ở.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Trương Minh H, ông Trương Minh B và bà Trương Thị B đều thống nhất trình bày: Bố mẹ các ông, bà là ông Trương Minh H và bà Hoàng Thị K (đều đã chết) có 06 người con gồm: Bà Trương Thị H (đã chết năm 2016), ông Trương Minh H, ông Trương Minh B, ông Trương Văn B (đã chết năm 2017), bà Trương Thị B và bà Trương Thị Y.

Nguồn gốc thửa đất số 240, tờ bản đồ số 8, diện tích 411,1m² tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình là của bố mẹ các ông, bà được Nhà nước cấp đổi tại khu tái định cư; do trước đây bố mẹ các ông, bà đã cho 03 anh trai là Trương Minh H, Trương Minh B, Trương Văn B mỗi người 01 nền nhà và đã có gia đình ra ở riêng, còn bà Trương Thị Y là con gái út nên bố mẹ và các anh chị em trong gia đình thống nhất giao thửa đất nói trên cho bà Y sử dụng. Đến năm 2018, khi được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất mang tên Trương Thị Y, trong đó lại ghi chú bà Trương Thị Y là người đại diện cho những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của ông Trương Minh H và bà Hoàng Thị K. Nay bà Y làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất nói trên thì các ông, bà cũng nhất trí. Tuy nhiên, phần di sản thừa kế mà các ông, bà được hưởng các ông, bà nhất trí giao lại cho bà Trương Thị Y được quyền sử dụng.

- Ông Trương Minh Đ trình bày: Ông là chồng bà Trương Thị H, ông và bà H kết hôn và có 04 người con là: Trương Minh A, Trương Thị Thu H, Trương Thị Bích H và Trương Minh H. Bố mẹ vợ ông có 06 người con là Trương Thị H (đã chết), Trương Minh H, Trương Minh B, Trương Văn B (đã chết), Trương Thị B và Trương Thị Y. Sau khi bố mẹ vợ chết, anh chị em trong gia đình nhất trí giao thửa đất của bố mẹ cho em út là Trương Thị Y được quyền sử dụng, nhưng hiện nay đang có tranh chấp với vợ và các con của Trương Văn B. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn giải quyết theo nguyện vọng của các anh chị em là giao đất cho bà Trương Thị Y được quyền sử dụng.

- Anh Trương Minh A, chị Trương Thị Thu H, chị Trương Thị Bích H và anh Trương Minh H đều trình bày: Các anh, chị là con của ông Trương Minh Đ và bà Trương Thị H (bà H đã chết) và là cháu của ông Trương Minh H và bà Hoàng Thị K (ông bà đã chết). Ông bà các anh, chị có 6 người con gồm: Trương Thị H (đã chết), Trương Minh H, Trương Minh B, Trương Văn B (đã chết), Trương Thị B và Trương Thị Y. Khi còn sống ông bà đã cho các cậu mỗi người một thửa đất làm nhà ra ở riêng nên khi ông bà qua đời các cậu, các dì thống nhất giao quyền sử dụng đất tại thửa đất số 600, tờ bản đồ số 9 tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho bà Trương Thị Y được quyền sử dụng. Sau đó được Nhà nước chuyển đổi khu tái định cư thành thửa đất số 240 tờ bản đồ số 8 tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho bà Trương Thị Y. Nay bà Trương Thị Y làm đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên thì các anh, chị nhất trí giao toàn bộ thửa đất nói trên cho bà Trương Thị Y được quyền sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có Đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 8 tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nên ngày 16/02/2023, Tòa án đã tiến hành xem xét

thẩm định tại chỗ và định giá đối với thửa đất nêu trên.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/02/2023, kết quả đo đạc, thẩm định xác định hiện trạng thửa đất có tổng diện tích 411,1m². Hiện tại trên thửa đất nêu trên có 01 móng nhà diện tích 72m² của bà Y xây năm 2011.

Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 16/02/2023, xác định: Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 8 diện tích 411,1m² tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình thuộc khu vực 2, vị trí 1, theo giá thị trường chuyển nhượng tại thời điểm hiện nay có giá trị là 730.000 đồng/m². Tổng diện tích thửa đất có giá trị là 300.000.000 đồng; 01 móng nhà có giá trị 5.000.000 đồng

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Y vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, còn bị đơn bà V, anh T và anh V thay đổi quan điểm là xin được nhận tiền, vì nếu nhận đất thì diện tích đất được chia không đủ để làm nhà.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn và Bị đơn chấp hành sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, họ đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt ông Trương Minh Đ, anh Trương Minh A, chị Trương Thị Thu H, chị Trương Thị Bích H và anh Trương Minh H.

+ Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào các Điều 609, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Y, về chia di sản thừa kế của ông Trương Minh H và bà Hoàng Thị K để lại

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Minh Đ, anh Trương Minh A, chị Trương Thị Thu H, chị Trương Thị Bích H, anh Trương Minh H, ông Trương Minh H, ông Trương Minh B, bà Trương Thị B, giao kỹ phần di sản thừa kế mà các ông, bà, anh, chị được hưởng cho bà Trương Thị Y được quyền sử dụng.

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Trương Thị Y và bà Trần Thị V, anh Trương Anh T, anh Trương Anh V: Theo đó, bà Y sẽ giao giá trị của kỹ phần thừa kế (50.000.000 đồng) cho bà V, anh Tuấn và anh V; phía bà V, anh T, anh V sẽ giao kỹ phần thừa kế đất (68,52m²) cho bà Y được quyền sử dụng.

- Giao cho bà Trương Thị Y được quyền dùng quyền sử dụng toàn bộ thửa đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 240, tờ bản đồ số 8, tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình có diện tích 411,1m².

+ Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 13, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên Tòa:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trương Thị Y có đơn khởi kiện về việc tranh chấp chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất; tài sản tranh chấp là bất động sản ở thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Tại phiên tòa vắng mặt ông Trương Minh Đ, anh Trương Minh A, chị Trương Thị Thu H, chị Trương Thị Bích H, anh Trương Minh H. Tuy nhiên, ông Đ, anh Minh A, chị H, chị H, anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt ông Đ, anh Minh A, chị H, chị H và anh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Trương Minh H chết năm 2008, bà Hoàng Thị K chết năm 2004. Ngày 03/10/2022, bà Trương Thị Y làm đơn khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông Trương Minh H và bà Hoàng Thị K để lại. Căn cứ vào Điều 623 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn đối với di sản thừa kế của ông H và bà K vẫn còn.

[2.2] Về thời điểm mở thừa kế, xác định người thừa kế và xác định di sản thừa kế: Ông Trương Minh H và bà Hoàng Thị K kết hôn và sinh được 6 người con gồm: Trương Thị H, Trương Minh H, Trương Minh B, Trương Văn B, Trương Thị B và Trương Thị Y. Ngày 15/4/2004 bà K chết không để lại di chúc; ngày 04/01/2008, ông H chết không để lại di chúc. Như vậy, thời điểm mở thừa kế là ngày 15/4/2004 và 04/01/2008. Do ông H, bà K chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của ông, bà thuộc trường hợp thừa kế theo pháp luật, tại thời điểm mở thừa kế hàng thừa kế thứ nhất của ông H, bà K được xác định theo Điều 651 Bộ luật Dân sự gồm: Trương Thị H, Trương Minh H, Trương Minh B, Trương Văn B, Trương Thị B và Trương Thị Y.

Đến năm 2016, bà Trương Thị H (con đầu của ông H, bà K chết không để lại di chúc) nên phần di sản của bà H được hưởng từ di sản của ông H, bà K sẽ được chia cho những người ở hàng thừa kế thứ nhất của bà H gồm ông Trương Minh Đ (chồng) và các con Trương Minh A, Trương Thị Thu H, Trương Thị Bích H và Trương Minh H.

Năm 2017, ông Trương Văn B (con trai ông H, bà K chết không để lại di chúc) nên phần di sản của ông B được hưởng từ di sản của ông H, bà K sẽ được chia cho những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông B gồm bà Trần Thị V (vợ) và các con Trương Anh T, Trương Anh V.

Về di sản thừa kế mà ông H, bà K để lại là: Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 8, diện tích 411,1m² (trong đó 400,0m² đất ở và 11,1m² đất trồng cây hàng năm khác) tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, có giá trị tại thời điểm thị trường hiện tại là 300.000.000 đồng.

[2.3] Về yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn: Xét thấy, nguồn gốc thửa đất số 240, tờ bản đồ số 8, diện tích 411,1m² (trong đó 400,0m² đất ở và 11,1m² đất trồng cây hàng năm khác) tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình là do nhà nước cấp chuyển đổi khu tái định cư cho ông H và bà K. Tuy nhiên, do ông H, bà K đã chết nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Trương Thị Y, là đại diện cho những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của ông H và bà K. Do bà Y là con gái út nên các anh chị em trong gia đình đã thống nhất giao thửa đất nói trên cho bà Y được quyền sử dụng. Tuy nhiên, bà Trần Thị V và 02 con là anh Trương Anh T, anh Trương Anh V (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trương Văn B) cũng muốn nhận một phần đất nên bà Y đã làm Đơn khởi kiện để yêu cầu chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 240, tờ bản đồ số 8, diện tích 411,1m² tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Thửa đất này là tài sản chung của ông H và bà K tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Ông H, bà K chết không để lại di chúc nên di sản để lại sẽ được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H, bà K theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự. Cụ thể: Di sản này sẽ được chia thành 6 kỷ phần mỗi kỷ phần sẽ được hưởng 68,52m² đất trị giá 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông Trương Minh Ba; ông Trương Minh Hoa; bà Trương Thị B và Ông Trương Minh Đ và các con là Trương Minh A, chị Trương Thị Thu H, chị Trương Thị Bích H, anh Trương Minh H (chồng và con bà H) đều thống nhất giao kỷ phần di sản thừa kế mà các ông, bà, anh, chị được hưởng cho bà Trương Thị Y được quyền sử dụng mà không yêu cầu bà Y giao lại giá trị đất. Xét thấy yêu cầu này của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn phù hợp nên cần được chấp nhận.

Đối với phần di sản thừa kế mà bà Trần Thị V và 02 con là anh Trương Anh T; anh Trương Anh V (vợ và con của ông B) được hưởng thì bà V, anh T, anh V thỏa thuận giao 68,52m² đất được hưởng cho bà Y, còn bà V, anh T, anh V số tiền 50.000.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp nên cần được ghi nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000 đồng. Số tiền này bà Trương Thị Y tự nguyện nộp để chi phí cho Hội đồng thẩm định và định giá tài sản nên bị đơn không phải nộp.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị V, anh Trương Anh T, anh Trương Anh V mỗi người phải nộp 833.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trên phần tài sản mà mình được chia thừa kế theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trương Thị Y phải nộp án phí trên phần tài sản mình được thừa kế là 12.500.000 đồng. Tuy nhiên, bà Yên có đơn xin giảm án phí vì hoàn cảnh gia đình khó khăn đã được chính quyền địa phương xác nhận nên giảm 1/2 số tiền án phí

cho bà Y theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy, bà Yên còn phải nộp 6.250.000 đồng tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003466 ngày 17/10/2022. Bà Yên còn phải nộp số tiền án phí là 5.950.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 609, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 13, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vụ án vắng mặt ông Trương Minh Đ, anh Trương Minh A, chị Trương Thị Thu H, chị Trương Thị Bích H, anh Trương Minh H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Y về chia di sản thừa kế của ông Trương Minh H và bà Hoàng Thị K để lại, cụ thể:

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Minh Đ, anh Trương Minh A, chị Trương Thị Thu H, chị Trương Thị Bích H, anh Trương Minh H, ông Trương Minh B, ông Trương Minh H, bà Trương Thị B giao kỷ phần di sản thừa kế mà các ông, bà, anh, chị được hưởng cho bà Trương Thị Y được quyền sử dụng.

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Trương Thị Y và bà Trần Thị V, anh Trương Anh T, anh Trương Anh V. Bà Y sẽ giao giá trị của kỷ phần thừa kế (50.000.000 đồng) cho bà V, anh T và anh V; Còn bà V, anh T, anh V sẽ giao kỷ phần thừa kế đất được hưởng (68,52 m²) cho bà Y được quyền sử dụng.

- Giao toàn bộ thửa đất số 240, tờ bản đồ số 8, diện tích đất 411,1m², trong đó 400,0 m² đất ở và 11,1m² đất trồng cây hàng năm khác tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình trị giá 300.000.000 đồng và 01 móng nhà trị giá 5.000.000 đồng cho bà Trương Thị Y được quyền sở hữu và sử dụng, bà Trương Thị Y có trách nhiệm giao số tiền 50.000.000 đồng cho bà Trần Thị V, anh Trương Anh T, anh Trương Anh V (Tại phiên tòa, bà Y đã giao số tiền 50.000.000 đồng cho bà Trần Thị V, anh Trương Anh T, anh Trương Anh V).

3. Về chi phí tố tụng: Bà Trương Thị Y thỏa thuận nộp 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để chi phí cho Hội đồng thẩm định và định giá tài sản (bà Y đã nộp đủ).

4. Về án phí: Bà Trần Thị V, anh Trương Anh T, anh Trương Anh V phải nộp mỗi người 833.333 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch để nộp vào ngân sách

nhà nước; bà Trương Thị Y phải nộp 6.250.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch để nộp vào ngân sách nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003466 ngày 17/10/2022. Bà Y còn phải nộp số tiền là 5.950.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

“Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

